

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2024

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư;

2. Bà Nguyễn Thị Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2023/LHST ngày 11 tháng 7 năm 2023. về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023.

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K – Sinh năm 1989;

HKTT tại: Xóm 3, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An;

Bị đơn: Anh Ma Xuân L - Sinh năm 1981;

HKTT tại: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Ma Xuân L năm 2014, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L làm ăn về không đưa tiền cho vợ con và không quan tâm đến

vợ con. Chị không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này với anh nữa, vợ chồng chị hiện đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện tại chị không còn tình cảm với anh L nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ma Thị Bảo Q (SN 25/03/2012) và Ma Xuân Q (SN 07/6/2015). Hiện đang ở với anh L, sau khi ly hôn con ở với ai là tùy vào ý của con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không nợ ai và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên đã đến nhà mẹ đẻ của anh Ma Xuân L xác minh tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Ma Xuân L có hộ khẩu thường trú tại gia đình bà Trần Thị H. Tại biên bản xác minh, làm việc ngày 29/8/2023 với bà Trần Thị H, địa chỉ xóm K, xã Y, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ đẻ của anh Ma Xuân L, ở cùng nhà với anh L, bà Hồng cung cấp: Anh L kết hôn năm 2014, có tự nguyện tìm hiểu nhau nhưng gia đình không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, anh L và chị K sống với nhau tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng có sinh được 02 người con là Ma Thị Bảo Quyên (SN 25/03/2012) và Ma Xuân Quý (SN 07/6/2015). Vợ chồng anh L và chị K có đôi lúc xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là chị K có người khác, hiện anh L đi đâu làm gì tôi cũng không biết rõ, chỉ nói là đi làm ăn, không nói ra địa chỉ cụ thể, tôi gọi điện cho con tôi thông báo cho con tôi biết việc chị K có đơn xin ly hôn nhưng anh L có nói, hiện anh đang đi làm ăn, không biết lúc nào mới về để giải quyết ly hôn được, anh cho biết là cũng nhất trí ly hôn để giải thoát cho nhau. Anh L vẫn thỉnh thoảng về nhà thăm mẹ và các con xong lại đi.

Tại biên bản xác minh ngày 18/8/2023, Công an xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: anh Ma Xuân L (có lý lịch nêu trên) hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại anh L không có mặt tại địa phương, anh L đi đâu, làm gì địa phương không xác định được.

Do anh L không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã tổng đạt cho gia đình anh L, tiến hành niêm yết công khai và tiến hành các thủ tục tố tụng. Tòa án nhân dân huyện P quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K xin ly hôn anh Ma Xuân L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K được ly hôn anh Ma Xuân L.

Về con chung: Cần giao 02 con là Ma Thị Bảo Q (SN 25/03/2012) và Ma Xuân Q (SN 07/6/2015) cho anh Ma Xuân L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Ma Xuân L có nơi cư trú tại xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện P đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179, điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh L vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K và anh Ma Xuân L kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 20/10/2014 của UBND xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy được xác định là hôn

nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào điều Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, chị K được ly hôn với anh L là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ma Thị Bảo Q (SN 25/03/2012) và Ma Xuân Q (SN 07/6/2015). Tại phiên tòa chị K yêu cầu được nuôi con nhưng hiện tại chị phải đi làm thuê tại Hà Nội, chưa có chỗ ở và thu nhập ổn định. Xét về điều kiện hai cháu hiện đang ở với bố cùng bà nội và đang học tập tại xã Y, ngoài ra cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với bố, vì vậy để ổn định cuộc sống và học tập của cháu. Cần giao con chung cho anh L chăm sóc là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con cần buộc chị K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 cháu/ tháng là phù hợp. Chị K được quyền đi lại thăm con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K xin ly hôn anh Ma Xuân L.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K được ly hôn anh Ma Xuân L.
2. Về con chung: Giao hai con chung là Ma Thị Bảo Q (SN 25/03/2012) và Ma

Xuân Q (SN 07/6/2015) cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Buộc chị K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/1 cháu/ tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị K được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002137 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Chị K tiếp tục phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị K biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện P;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Đức Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Đức Long

